Gioi Thieu Dao Phat - Binh Anson (17)

Giới Thiệu Đạo Phật (Bình Anson)

Gioi Thieu Dao Phat - Binh Anson

Vietnamese, with Unicode Times font

Giới thiệu Đạo Phật

Bình Anson

NXB Tôn Giáo

TL. 2005 - PL. 2549

-21-

Quy ước trích dẫn kinh điển N guyên thủy

Bình Anson

T rong nhiều n ăm qua, tác giả các sách báo Phật giáo thường d ùng các quy ước khác nhau để trích dẫn kinh điển N guyên thủy của tạng Pali làm người đọc có nhiều bỡ ngỡ, đôi khi có nhiều nhầm lẫn, không biết đích xác nguồn gốc của những đoạn kinh điển trích dẫn đó. Vấn đề nầy thường gặp nhất trong các trích dẫn từ Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya) v à T ăng Chi Bộ (Anguttara Nikaya). Thí dụ có tác giả trích dẫn một đoạn kinh trích từ " S.i.100 ", có tác giả ghi là " S III:iii.5 ", có người ghi là " S 3:25 ", và người khác lại ghi là " SN III.25 ". Trong các bài viết tiếng Việt, có tác giả ghi theo tên kinh Pali, nhưng cũng có người ghi theo bản dịch Việt như " Tư, q.1, t.223 ", làm người đọc cảm thấy rối ren, không biết rằng thật ra các tác giả nầy đều trích dẫn từ c ùng một bài kinh (Pabbatopama Sutta , Kinh Dụ Hòn Núi).

Trong bài nầy, người viết xin mạn phép được tr ình bày tóm tắt các quy ước thường dùng để giúp quý độc giả có một nhận định r õ ràng hơn về các phương cách trích dẫn kinh điển Pali.

I. Quy ước PTS

Hội Kinh Điển Pali (The Pali Text Society, PTS) có hai cách viết tắt tên kinh: cách xưa trong quyển từ điển Pali Text Society Dictionary , và cách mới trong quyển Critical Pali Dictionary . Trong hơn 100 n ăm qua, Hội PTS lần lượt xuất bản các kinh điển Pali được ghi lại bằng mẫu tự La-tinh v à các bản dịch Anh ngữ. Cách đánh số, kể cả các bản Anh ngữ, đều được quy chiếu v ào bản Pali và số trang ghi trong bản Pali, và các nhà Phật học ngày nay cũng thường c ăn cứ theo cách đánh số nầy.

1. Luật Tạng (Vinaya Pitaka, Vin)

Có 5 quyển Luật, được trích dẫn qua t ên: " Vin quyển (số La-mã) số trang ". Thí dụ: " Vin III 59 " là đoạn văn trong quyển III của Luật tạng, tương ứng với trang 59 của bản Pali. Cần ghi nhận ở đây l à mặc dù đoạn văn đó có thể được trích từ bản dịch Anh, Pháp, Đức, Việt, v.v., đoạn văn đó luôn luôn được quy chiếu về bản gốc Pali trong trang

59.

2. Kinh Tạng (Sutta Pitaka)

Kinh tạng gồm có n ăm bộ chính:

2.1. Trường Bộ (Digha Nikaya, DN hoặc D): Hội PTS xuất bản 3 quyển, gồm 34 bài kinh. Quy ước trích dẫn: " DN số quyển (số La-mã) số trang ". Thí dụ " DN III 33 " là đoạn văn trong quyển III của Trường Bộ, tương ứng với trang 33 của bản Pali. Có nhiều tác giả không trích số quyển m à chỉ trích số bài kinh, thí dụ: " DN 12 ", nghĩa là bài kinh số 12 của Trường Bộ. Tuy nhiên, vì các bài kinh trong bộ nầy là các bài kinh dài, trích dẫn như thế thường không được chính xác, v à cần phải ghi thêm số đoạn kinh của b ài kinh đó

2.2. Trung Bộ (Majjhima Nikaya, MN hoặc M): Gồm 152 bài kinh, xuất bản thành 3 quyển: quyển I gồm 50 bài, quyển II gồm 50 bài, và quyển III gồm 52 bài còn lại. Quy ước trích dẫn: " MN số quyển (số La-mã) số trang ". Thí dụ: " MN I 350 " là đoạn kinh trong quyển I, tương ứng với trang 350 của bản Pali. Có tác giả chỉ trích số b ài kinh và số đoạn, thí dụ: " MN 52.3 " tương ứng đoạn kinh tr ên, nhưng được hiểu l à đoạn 3 trong b ài kinh số 52.

2.3. Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya, SN hoặc S): gồm 7762 bài kinh, kết nhóm lại theo chủ đề trong 56 phẩm, v à được xuất bản th ành 5 quyển. Quy ước trích dẫn: " SN số quyển (số La-mã) số trang ". Thí dụ: " SN III 79 " là đoạn kinh trong quyển III, tương ứng với trang 79 của bản Pali. V ì đây l à đa số các b ài kinh nầy rất ngắn, có người trích dẫn chi tiết hơn, với số phẩm và số đoạn, như " SN II.XV.I.2 ", nghĩa là đoạn kinh tương ứng với trang 2 của bản Pali, quyển II, phẩm XV, đoạn I.

Gần đây, có khuynh hướng chỉ trích dẫn số phẩm v à số bài kinh mà thôi, theo quy ước: " SN số phẩm (số La-mã) số bài kinh ". Thí dụ: " SN III.25 " hoặc " SN 3:25 ", nghĩa là kinh số 25 trong phẩm III của Tương Ưng.

2.4. T ăng Chi Bộ (Anguttara Nikaya, AN hoặc A): gồm 9557 b ài kinh, kết nhóm theo số đề mục (pháp số) liệt k ê trong bài kinh thành 11 chương, từ chương 1 (Một Pháp) đến chương 11 (Mười Một Pháp), v à được hội PTS xuất bản th ành 5 quyển. Quy ước trích dẫn: " AN số quyển (số La-mã) số trang ". Thí dụ: " AN IV 93 " để chỉ đoạn kinh tương ứng với trang 93 của bản Pali, trong quyển IV. Có người trích dẫn số chương (nipata) v à số phẩm (vagga), chẳng hạn " AN VI.VI.63 " nghĩa là đoạn kinh tương ứng với trang 63 của bản Pali, trong phẩm VI của chương VI.

Gần đây, có khuynh hướng chỉ trích dẫn: "số chương v à số kinh trong chương". Thí dụ: " AN VI:78 " hoặc " AN 6:78 ", nghĩa là đoạn văn trong kinh số 78 của chương pháp số VI. Cũng có tác giả trích dẫn: "số chương, số phẩm, số b ài kinh trong phẩm".

2.5. Tiểu Bộ (Khuddaka Nikaya, KN hoặc K):

Đây là tập hợp 15 tập kinh, có nhiều bài kệ, trong đó có những b ài ghi lại trong thời nguyên khai, và cũng có bài được ghi lại về sau nầy trước khi được đúc kết v à viết

xuống giấy.

(a) Tiểu bộ tập (Khuddakapatha, Khp hoặc Kh): Gồm 9 bài kinh ngắn gồm nhiều câu kệ, thường được trích dẫn như: " Khp số bài kinh (số câu kệ) ". Thí dụ: " Khp IX " là bài kinh Từ Bi (Metta Sutta), kinh số 9.

(b) Pháp cú (Dhammapada, Dhp hoặc Dh): gồm 423 câu kệ, trích dẫn bằng số câu kệ: " Dhp số câu kệ ". Thí dụ: " Dhp 100 " là câu kệ 100 trong kinh Pháp Cú.

(c) Phật tự thuyết (Udana, Ud): gồm 80 bài kinh, trích dẫn như: " Ud số bài kinh (số La-mã) số câu kệ ". Thí dụ: " Ud III 4 " là câu kệ số 4 của bài kinh số 3 trong kinh Phật tự thuyết. Đôi khi cũng được trích dẫn theo số trang trong bản Pali.

(d) Phật thuyết như vậy (Itivuttaka, It): gồm 112 bài kinh ngắn, trong 4 chương. Trích dẫn như: " It số chương (số La-mã) số bài kinh ", hoặc " It số trang Pali ". Thí dụ: " It IV 102 " là bài kinh 102 trong chương 4.

(e) Kinh tập (Suttanipata, Sn): gồm 71 bài kinh kệ trong 5 chương, có những bài kệ được xem l à xưa cổ nhất (chương IV, phẩm Tám). Trích dẫn theo quy ước: " Sn số câu kệ ", hoặc " Sn số chương số bài kinh số câu kệ ". Thí dụ: Kinh Một sừng tê ngưu (Sn I 3) là bài kinh số 3, chương I, của Kinh tập.

(f) Thiên cung sự (Vimanavatthu, Vv): gồm 85 chuyện trên các cung trời, trong 7 chương. Trích dẫn như: " Vv số chương (số La-mã) số bài kinh số bài kệ ".

(g) Ngạ quỷ sự (Petavatthu, Pv): gồm 51 bài kinh về chuyện ngạ quỷ, trong 4 chương. Trích dẫn như: " Pv số chương (số La-mã) số bài kinh số bài kệ ".

(h) Trưởng lão t ăng kệ (Theragatha, Th hoặc Thag): gồm 207 b ài kinh chứa các câu kệ của 264 vị trưởng lão đệ tử của Đức Phật. Quy ước trích dẫn: " Th số câu kệ ".

(i) Trưởng lão ni kệ (Therigatha, Thi hoặc Thig): gồm 73 bài kinh chứa các câu kệ của 73 vị trưởng lão ni đệ tử của Đức Phật. Quy ước trích dẫn: " Thi số câu kệ ".

(j) Bổn sanh (Jataka, J): Đây là tập hợp 547 câu chuyện tiền thân của Đức Phật. Hội PTS xuất bản chung với phần chú giải (Jataka-Atthavannana, JA) thành một bộ 6 quyển. Quy ước trích dẫn: " J số truyện ", hoặc " J số quyển (số La-mã) số trang Pali ".

(k) Nghĩa thích (Niddesa, Nd), gồm Đại nghĩa thích (Mahaniddesa, NiddI hoặc Nd1) và Tiểu nghĩa thích (Culaniddesa, NiddII hoặc Nd2) chứa các bài luận giải của ngài Xá-lợi-phất. Quy ước trích dẫn: " NiddI (hoặc NiddII) số trang Pali ".

(l) Vô Ngại Giải Đạo (Patisambhida, Patis hoặc Ps): chia làm 3 phẩm, mỗi phẩm chứa 10 đề mục, gồm các b ài luận giải của ngài Xá-lợi-phất. Hội PTS xuất bản thành 2 quyển. Quy ước trích dẫn: " Patis số quyển (số La-mã) số trang Pali ".

(m) Thí Dụ (Apadana, Ap): gồm các chuyện, thể kệ, về cuộc đời v à tiền thân của 41 vị Phật Độc Giác, 550 vị tỳ khưu A-la-hán và 40 vị tỳ khưu ni A-la-hán, được xuất bản th ành 2 quyển. Quy ước trích dẫn: " Ap số quyển (số La-mã) số trang Pali ".

(n) Phật Sử (Buddhavamsa, Bv): Gồm 29 đoạn với các b ài kệ về cuộc đời của Phật Thích Ca v à 24 vị Phật trong quá khứ. Quy ước trích dẫn: " Bv số đoạn (số La-m ã) số câu kệ ".

(o) Sở Hạnh Tạng (Cariya Pitaka, Cp): nói về 35 kiếp sống chót của ngài Bồ Tát trước khi thành Phật Thích Ca, ghi lại 7 trong số 10 đức hạnh ba-la-mật của Bồ Tát. Quy ước trích dẫn: " Cp số đoạn (số La-m ã) số câu kệ ".

3. Thắng Pháp Tạng (Abhidhamma Pitaka)

Gồm 7 bộ:

3.1. Pháp Tụ (Dhammasangani, Dhs): tóm tắt các pháp với định nghĩa của mỗi pháp. Quy ước trích dẫn: " Dhs số trang Pali ", hoặc " Dhs số đề mục ".

3.2. Phân Tích (Vibhanga, Vibh hoặc Vbh): gồm 18 chương. Quy ước trích dẫn: " Vibh số trang Pali ".

3.3. Chất Ngữ (Dhatukatha, Dhatuk hoặc Dhtk): luận giải về các uẩn, xứ và giới. Quy ước trích dẫn: " Dhatuk số trang Pali ".

3.4. Nhân Chế Định (Puggalapannatti, Pp hoặc Pug): về phân loại các hạng người, gồm 10 chương. Quy ước trích dẫn: " Pp số trang Pali " hoặc " Pp số chương số đoạn ".

3.5. Ngữ Tông (Kathavatthu, Kv hoặc Kvu): chi tiết về các tranh luận để l àm sáng tỏ các điểm trọng yếu trong đạo Phật, do ng ài Moggaliputta Tissa (Mộc-kiền-liên Tu- đế) đề xướng trong Đại hội Kết tập Kinh điển lần thứ 3 trong thời đại vua A-dục (Asoka). Gồm 23 chương. Quy ước trích dẫn: " Kv số trang Pali " hoặc " Kv số chương số đoạn ".

3.6. Song Đối (Yamaka, Yam): Xuất bản thành 2 quyển, gồm 10 chương, bao gồm các đề t ài đặt ra dưới h ình thức vấn đáp từng đôi, theo chiều xuôi v à chiều ngược. Quy ước trích dẫn: " Yam số trang Pali ".

3.7. Vị Trí (Patthana, Patth hoặc Pt): Đây là bộ lớn nhất, luận giải chi tiết về nhân duyên và tương quan giữa các pháp, gồm 4 đại phẩm. Mỗi đại phẩm lại chia l àm 6 tiểu phẩm. Quy ước trích dẫn: " Patth số trang Pali ".

II. Đại tạng kinh Việt Nam

Trong 10 n ăm qua, Hội đồng Phi ên dịch Đại tạng kinh Việt Nam đ ã lần lượt ấn hành các bộ kinh Việt ngữ dịch từ tạng Pali (kinh Nikaya) và tạng Hán (kinh A-hàm). Đến nay (1999), 27 quyển đ ã được ấn h ành: Trường bộ (quyển 1-2), Trường A-hàm (quyển 3-4), Trung bộ (quyển 5-7), Trung A-hàm (quyển 8-11), Tương ưng bộ (quyển 12-16), Tạp A-hàm (quyển 17-20), T ăng chi bộ (quyển 21-24), Tăng nhất A-h àm (quyển 25-27). Ngoài việc đánh số thứ tự theo tiến tr ình in ấn, mỗi quyển kinh còn có mã số: " A " là Kinh, " B " là Luật, " C " là Luận, kế đó " p " là dịch từ bản gốc Pali và " a " là dịch từ bản gốc Hán. Số cuối cùng là số thứ tự trong Tam tạng kinh điển. Thí dụ: Tương ưng bộ có m ã số là " Ap3 ", nghĩa là Kinh (A) dịch từ tạng Pali (p), và là bộ thứ 3 trong Kinh tạng Nguyên thủy.

Tuy nhiên, vấn đề trích dẫn kinh điển trong các t ài liệu, sách báo Phật giáo hình như cũng chưa nhất quán, có khi dùng theo các quy ước của hội PTS, có khi ghi lại tựa đề Việt ngữ, có khi ghi số trang theo kinh điển bộ mới, cũng có khi ghi theo số trang của bộ cũ, v.v. Mong rằng vấn đề nầy sẽ được quý học giả Tăng Ni lưu tâm cứu xét để thiết lập một quy ước chung v à thống nhất trong việc trích dẫn kinh điển bằng tiếng Việt.

Bình Anson,

tháng 9-2000

-ooOoo-

Đầu trang
| 01
| 02
| 03
| 04
| 05
| 06
| 07
| 08
| 09
| 10
| 11
| 12
| 13
| 14
| 15
| 16
| 17
| 18
| 19
| 20
| 21
| Mục lục

[Trở về trang Thư Mục]

last updated: 16-02-2005

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.